

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG**

Số: 710 /BC-DRAGONGROUP

V/v Đăng tải thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội Tòa nhà CT2B tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 08 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Nhà Ở số 27/2023/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;



Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 27/06/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc Chấp thuận Chủ trương Đầu tư đồng thời Chấp thuận nhà đầu tư Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long là Chủ đầu tư Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên).

Thực hiện quy định của pháp luật về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Công ty chúng tôi kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên xem xét, thực hiện đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội tại Tòa nhà CT2B thuộc Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên) theo quy định, nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin rộng rãi, minh bạch để các đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định pháp luật được biết và thực hiện đăng ký mua nhà ở xã hội tại Dự án.

Nội dung thông tin đăng tải được đính kèm Báo cáo này.

Kính mong được Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên quan tâm giúp đỡ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như: Kính gửi;
- Lưu: VT./.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Anh





THÔNG BÁO

(Về việc công khai thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội của Tòa CT2B)

1. **Tên dự án:** Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long.

3. **Địa điểm xây dựng:** Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên.

4. **Thời điểm bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Từ ngày 09 tháng 06 năm 2026.

5. **Thời điểm kết thúc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Đến hết ngày 09 tháng 07 năm 2026.

Trường hợp quá thời hạn đăng ký mua mà chưa đủ số hồ sơ tương ứng với số căn hộ dự kiến đưa vào bán, Chủ đầu tư sẽ mở đợt tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội đợt tiếp theo cho đến khi hết số căn hộ của Tòa CT2B.

6. **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Tầng 01, trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long, Km3+500 đường Hùng Vương, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên;

Điện thoại: 1800.599.961/1800.9066

7. **Số lượng căn hộ nhà ở xã hội dự kiến đưa vào bán:** 168 căn hộ (theo Danh sách đính kèm).

8. **Diện tích các căn hộ:** Từ 42,48 m² đến 69,35 m². (Nội dung chi tiết theo Danh sách đính kèm).

9. **Giá bán nhà ở xã hội:** 18.500.000 đồng/m² (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm kinh phí bảo trì theo quy định)

10. **Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:** Theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ; Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 ; Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

11. **Thông tin đăng tải trên:**

- Website của chủ đầu tư: <https://dragongroup.co/>;

- Website của Sở xây dựng Hưng Yên: <https://soxaydung.hungyen.gov.vn/>.

Kính mời Quý khách hàng có nhu cầu xin liên hệ để đăng ký và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ mua căn hộ tại Dự án.

Trân trọng!



**DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC TÒA NHÀ CT2B DỰ ÁN NOXH KHU A VÀ KHU B,
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ XÃ VŨ PHÚC - DRAGONHOMES ECO APARTMENT PREMIUM**

(Kèm theo Báo cáo số 10/BC-DRAGONGROUP ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc Đăng tải thông tin Tòa nhà CT2B tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tính tường (m ²)
1	CT2B-201	CH-D1A	NOXH	CT2B	2	67.03	75.17
2	CT2B-202	CH-C1G	NOXH	CT2B	2	61.78	68.00
3	CT2B-203	CH-C1E	NOXH	CT2B	2	61.73	67.95
4	CT2B-204	CH-C1F	NOXH	CT2B	2	61.78	68.00
5	CT2B-205	CH-B2	NOXH	CT2B	2	42.48	48.02
6	CT2B-206	CH-D2	NOXH	CT2B	2	69.35	77.20
7	CT2B-207	CH-C2	NOXH	CT2B	2	58.25	64.24
8	CT2B-208	CH-B1C	NOXH	CT2B	2	46.28	51.24
9	CT2B-209	CH-B1	NOXH	CT2B	2	46.26	51.22
10	CT2B-210	CH-C1A	NOXH	CT2B	2	61.77	68.00
11	CT2B-211	CH-C1	NOXH	CT2B	2	61.78	68.00
12	CT2B-212	CH-D1	NOXH	CT2B	2	67.03	75.10
13	CT2B-213	CH-D1A	NOXH	CT2B	2	67.03	75.10
14	CT2B-214	CH-B1A	NOXH	CT2B	2	46.14	51.09
15	CT2B-215	CH-C1B	NOXH	CT2B	2	61.78	68.00
16	CT2B-216	CH-B1D	NOXH	CT2B	2	46.22	51.22
17	CT2B-217	CH-B1E	NOXH	CT2B	2	46.47	51.58
18	CT2B-218	CH-C1C	NOXH	CT2B	2	62.01	68.14
19	CT2B-219	CH-C1D	NOXH	CT2B	2	61.73	67.95
20	CT2B-220	CH-B1B	NOXH	CT2B	2	46.16	51.24
21	CT2B-221	CH-D1	NOXH	CT2B	2	67.03	75.10
22	CT2B-301	CH-D1A	NOXH	CT2B	3	67.03	75.17
23	CT2B-302	CH-C1G	NOXH	CT2B	3	61.78	68.00
24	CT2B-303	CH-C1E	NOXH	CT2B	3	61.73	67.95
25	CT2B-304	CH-C1F	NOXH	CT2B	3	61.78	68.00
26	CT2B-305	CH-B2	NOXH	CT2B	3	42.48	48.02
27	CT2B-306	CH-D2	NOXH	CT2B	3	69.35	77.20
28	CT2B-307	CH-C2	NOXH	CT2B	3	58.25	64.24
29	CT2B-308	CH-B1C	NOXH	CT2B	3	46.28	51.24
30	CT2B-309	CH-B1	NOXH	CT2B	3	46.26	51.22
31	CT2B-310	CH-C1A	NOXH	CT2B	3	61.77	68.00
32	CT2B-311	CH-C1	NOXH	CT2B	3	61.78	68.00
33	CT2B-312	CH-D1	NOXH	CT2B	3	67.03	75.10
34	CT2B-313	CH-D1A	NOXH	CT2B	3	67.03	75.10
35	CT2B-314	CH-B1A	NOXH	CT2B	3	46.14	51.09
36	CT2B-315	CH-C1B	NOXH	CT2B	3	61.78	68.00

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tim tường (m ²)
37	CT2B-316	CH-B1D	NOXH	CT2B	3	46.22	51.22
38	CT2B-317	CH-B1E	NOXH	CT2B	3	46.47	51.58
39	CT2B-318	CH-C1C	NOXH	CT2B	3	62.01	68.14
40	CT2B-319	CH-C1D	NOXH	CT2B	3	61.73	67.95
41	CT2B-320	CH-B1B	NOXH	CT2B	3	46.16	51.24
42	CT2B-321	CH-D1	NOXH	CT2B	3	67.03	75.10
43	CT2B-3A01	CH-D1A	NOXH	CT2B	4	67.03	75.17
44	CT2B-3A02	CH-C1G	NOXH	CT2B	4	61.78	68.00
45	CT2B-3A03	CH-C1E	NOXH	CT2B	4	61.73	67.95
46	CT2B-3A04	CH-C1F	NOXH	CT2B	4	61.78	68.00
47	CT2B-3A05	CH-B2	NOXH	CT2B	4	42.48	48.02
48	CT2B-3A06	CH-D2	NOXH	CT2B	4	69.35	77.20
49	CT2B-3A07	CH-C2	NOXH	CT2B	4	58.25	64.24
50	CT2B-3A08	CH-B1C	NOXH	CT2B	4	46.28	51.24
51	CT2B-3A09	CH-B1	NOXH	CT2B	4	46.26	51.22
52	CT2B-3A10	CH-C1A	NOXH	CT2B	4	61.77	68.00
53	CT2B-3A11	CH-C1	NOXH	CT2B	4	61.78	68.00
54	CT2B-3A12	CH-D1	NOXH	CT2B	4	67.03	75.10
55	CT2B-3A13	CH-D1A	NOXH	CT2B	4	67.03	75.10
56	CT2B-3A14	CH-B1A	NOXH	CT2B	4	46.14	51.09
57	CT2B-3A15	CH-C1B	NOXH	CT2B	4	61.78	68.00
58	CT2B-3A16	CH-B1D	NOXH	CT2B	4	46.22	51.22
59	CT2B-3A17	CH-B1E	NOXH	CT2B	4	46.47	51.58
60	CT2B-3A18	CH-C1C	NOXH	CT2B	4	62.01	68.14
61	CT2B-3A19	CH-C1D	NOXH	CT2B	4	61.73	67.95
62	CT2B-3A20	CH-B1B	NOXH	CT2B	4	46.16	51.24
63	CT2B-3A21	CH-D1	NOXH	CT2B	4	67.03	75.10
64	CT2B-501	CH-D1A	NOXH	CT2B	5	67.03	75.17
65	CT2B-502	CH-C1G	NOXH	CT2B	5	61.78	68.00
66	CT2B-503	CH-C1E	NOXH	CT2B	5	61.73	67.95
67	CT2B-504	CH-C1F	NOXH	CT2B	5	61.78	68.00
68	CT2B-505	CH-B2	NOXH	CT2B	5	42.48	48.02
69	CT2B-506	CH-D2	NOXH	CT2B	5	69.35	77.20
70	CT2B-507	CH-C2	NOXH	CT2B	5	58.25	64.24
71	CT2B-508	CH-B1C	NOXH	CT2B	5	46.28	51.24
72	CT2B-509	CH-B1	NOXH	CT2B	5	46.26	51.22
73	CT2B-510	CH-C1A	NOXH	CT2B	5	61.77	68.00
74	CT2B-511	CH-C1	NOXH	CT2B	5	61.78	68.00
75	CT2B-512	CH-D1	NOXH	CT2B	5	67.03	75.10
76	CT2B-513	CH-D1A	NOXH	CT2B	5	67.03	75.10
77	CT2B-514	CH-B1A	NOXH	CT2B	5	46.14	51.09

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tim tường (m ²)
78	CT2B-515	CH-C1B	NOXH	CT2B	5	61.78	68.00
79	CT2B-516	CH-B1D	NOXH	CT2B	5	46.22	51.22
80	CT2B-517	CH-B1E	NOXH	CT2B	5	46.47	51.58
81	CT2B-518	CH-C1C	NOXH	CT2B	5	62.01	68.14
82	CT2B-519	CH-C1D	NOXH	CT2B	5	61.73	67.95
83	CT2B-520	CH-B1B	NOXH	CT2B	5	46.16	51.24
84	CT2B-521	CH-D1	NOXH	CT2B	5	67.03	75.10
85	CT2B-601	CH-D1A	NOXH	CT2B	6	67.03	75.17
86	CT2B-602	CH-C1G	NOXH	CT2B	6	61.78	68.00
87	CT2B-603	CH-C1E	NOXH	CT2B	6	61.73	67.95
88	CT2B-604	CH-C1F	NOXH	CT2B	6	61.78	68.00
89	CT2B-605	CH-B2	NOXH	CT2B	6	42.48	48.02
90	CT2B-606	CH-D2	NOXH	CT2B	6	69.35	77.20
91	CT2B-607	CH-C2	NOXH	CT2B	6	58.25	64.24
92	CT2B-608	CH-B1C	NOXH	CT2B	6	46.28	51.24
93	CT2B-609	CH-B1	NOXH	CT2B	6	46.26	51.22
94	CT2B-610	CH-C1A	NOXH	CT2B	6	61.77	68.00
95	CT2B-611	CH-C1	NOXH	CT2B	6	61.78	68.00
96	CT2B-612	CH-D1	NOXH	CT2B	6	67.03	75.10
97	CT2B-613	CH-D1A	NOXH	CT2B	6	67.03	75.10
98	CT2B-614	CH-B1A	NOXH	CT2B	6	46.14	51.09
99	CT2B-615	CH-C1B	NOXH	CT2B	6	61.78	68.00
100	CT2B-616	CH-B1D	NOXH	CT2B	6	46.22	51.22
101	CT2B-617	CH-B1E	NOXH	CT2B	6	46.47	51.58
102	CT2B-618	CH-C1C	NOXH	CT2B	6	62.01	68.14
103	CT2B-619	CH-C1D	NOXH	CT2B	6	61.73	67.95
104	CT2B-620	CH-B1B	NOXH	CT2B	6	46.16	51.24
105	CT2B-621	CH-D1	NOXH	CT2B	6	67.03	75.10
106	CT2B-701	CH-D1A	NOXH	CT2B	7	67.03	75.17
107	CT2B-702	CH-C1G	NOXH	CT2B	7	61.78	68.00
108	CT2B-703	CH-C1E	NOXH	CT2B	7	61.73	67.95
109	CT2B-704	CH-C1F	NOXH	CT2B	7	61.78	68.00
110	CT2B-705	CH-B2	NOXH	CT2B	7	42.48	48.02
111	CT2B-706	CH-D2	NOXH	CT2B	7	69.35	77.20
112	CT2B-707	CH-C2	NOXH	CT2B	7	58.25	64.24
113	CT2B-708	CH-B1C	NOXH	CT2B	7	46.28	51.24
114	CT2B-709	CH-B1	NOXH	CT2B	7	46.26	51.22
115	CT2B-710	CH-C1A	NOXH	CT2B	7	61.77	68.00
116	CT2B-711	CH-C1	NOXH	CT2B	7	61.78	68.00
117	CT2B-712	CH-D1	NOXH	CT2B	7	67.03	75.10
118	CT2B-713	CH-D1A	NOXH	CT2B	7	67.03	75.10

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tim tường (m ²)
119	CT2B-714	CH-B1A	NOXH	CT2B	7	46.14	51.09
120	CT2B-715	CH-C1B	NOXH	CT2B	7	61.78	68.00
121	CT2B-716	CH-B1D	NOXH	CT2B	7	46.22	51.22
122	CT2B-717	CH-B1E	NOXH	CT2B	7	46.47	51.58
123	CT2B-718	CH-C1C	NOXH	CT2B	7	62.01	68.14
124	CT2B-719	CH-C1D	NOXH	CT2B	7	61.73	67.95
125	CT2B-720	CH-B1B	NOXH	CT2B	7	46.16	51.24
126	CT2B-721	CH-D1	NOXH	CT2B	7	67.03	75.10
127	CT2B-801	CH-D1A	NOXH	CT2B	8	67.03	75.17
128	CT2B-802	CH-C1G	NOXH	CT2B	8	61.78	68.00
129	CT2B-803	CH-C1E	NOXH	CT2B	8	61.73	67.95
130	CT2B-804	CH-C1F	NOXH	CT2B	8	61.78	68.00
131	CT2B-805	CH-B2	NOXH	CT2B	8	42.48	48.02
132	CT2B-806	CH-D2	NOXH	CT2B	8	69.35	77.20
133	CT2B-807	CH-C2	NOXH	CT2B	8	58.25	64.24
134	CT2B-808	CH-B1C	NOXH	CT2B	8	46.28	51.24
135	CT2B-809	CH-B1	NOXH	CT2B	8	46.26	51.22
136	CT2B-810	CH-C1A	NOXH	CT2B	8	61.77	68.00
137	CT2B-811	CH-C1	NOXH	CT2B	8	61.78	68.00
138	CT2B-812	CH-D1	NOXH	CT2B	8	67.03	75.10
139	CT2B-813	CH-D1A	NOXH	CT2B	8	67.03	75.10
140	CT2B-814	CH-B1A	NOXH	CT2B	8	46.14	51.09
141	CT2B-815	CH-C1B	NOXH	CT2B	8	61.78	68.00
142	CT2B-816	CH-B1D	NOXH	CT2B	8	46.22	51.22
143	CT2B-817	CH-B1E	NOXH	CT2B	8	46.47	51.58
144	CT2B-818	CH-C1C	NOXH	CT2B	8	62.01	68.14
145	CT2B-819	CH-C1D	NOXH	CT2B	8	61.73	67.95
146	CT2B-820	CH-B1B	NOXH	CT2B	8	46.16	51.24
147	CT2B-821	CH-D1	NOXH	CT2B	8	67.03	75.10
148	CT2B-901	CH-D1A	NOXH	CT2B	9	67.03	75.17
149	CT2B-902	CH-C1G	NOXH	CT2B	9	61.78	68.00
150	CT2B-903	CH-C1E	NOXH	CT2B	9	61.73	67.95
151	CT2B-904	CH-C1F	NOXH	CT2B	9	61.78	68.00
152	CT2B-905	CH-B2	NOXH	CT2B	9	42.48	48.02
153	CT2B-906	CH-D2	NOXH	CT2B	9	69.35	77.20
154	CT2B-907	CH-C2	NOXH	CT2B	9	58.25	64.24
155	CT2B-908	CH-B1C	NOXH	CT2B	9	46.28	51.24
156	CT2B-909	CH-B1	NOXH	CT2B	9	46.26	51.22
157	CT2B-910	CH-C1A	NOXH	CT2B	9	61.77	68.00
158	CT2B-911	CH-C1	NOXH	CT2B	9	61.78	68.00
159	CT2B-912	CH-D1	NOXH	CT2B	9	67.03	75.10

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tìm tường (m ²)
160	CT2B-913	CH-D1A	NOXH	CT2B	9	67.03	75.10
161	CT2B-914	CH-B1A	NOXH	CT2B	9	46.14	51.09
162	CT2B-915	CH-C1B	NOXH	CT2B	9	61.78	68.00
163	CT2B-916	CH-B1D	NOXH	CT2B	9	46.22	51.22
164	CT2B-917	CH-B1E	NOXH	CT2B	9	46.47	51.58
165	CT2B-918	CH-C1C	NOXH	CT2B	9	62.01	68.14
166	CT2B-919	CH-C1D	NOXH	CT2B	9	61.73	67.95
167	CT2B-920	CH-B1B	NOXH	CT2B	9	46.16	51.24
168	CT2B-921	CH-D1	NOXH	CT2B	9	67.03	75.10